TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2021/HS-ST Ngày: 25 - 9 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Trần Thị Luận

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, tại Nhà văn hóa khu Nhân Đào, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Hữu H; Sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị B; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Vợ là Vương Thị T1, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011;Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/11/2017, Công an huyện Kim Thành ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Chấp hành xong ngày 22/12/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/7/2021 tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại*:

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1995; nơi cư trú: Đ1, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Trần Thị K1, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Trắc T1, sinh ngày 19/4/2004. Người giám hộ của anh T1: là ông Kiều Trắc T, đều ở địa chỉ: A1, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều có đơn đề nghị vắng mặt

** Người có quyền lợi liên quan:*

- Anh Nguyễn Danh K2, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn Hảo Quan, xã Đ3, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Anh Trương Đình H, sinh năm 1986, địa chỉ: thôn Tiền, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

** Người làm chứng:* Anh Vũ Anh D5, sinh năm 1995, địa chỉ: B, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 26/4/2021, Bùi Hữu H vào quán cắt tóc "Barber 1995" của anh Nguyễn Văn K ở thôn Đ, xã Đ3, huyện N. Khi vào quán, thấy anh Vũ Văn D, sinh năm 1995 ở A, N đang cắt tóc cho khách nên H nói với anh K muốn lấy dáy tai. Anh K bảo H ngồi ở bàn uống nước chờ. H quan sát thấy trên mặt tủ gỗ để đồ màu đen có 01 chiếc điện thoại Sam Sung J4 màu đen, ốp nhựa trong suốt có gắn sim 0964.646.995 của anh K để ở đây nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H đứng dậy đến gần vị trí tủ sau đó hỏi mượn bấm móng tay. Lợi dụng anh K, anh D không để ý, H đã lấy chiếc điện thoại của anh K cho vào túi quần bên phải, rồi đi về. Trên đường đi, H tháo sim điện thoại vứt đi rồi mang chiếc điện đến bán cho anh Nguyễn Danh K2 sinh năm 1998, chủ quán điện thoại Đăng K2, ở thôn Hảo Thôn, xã Đ3, huyện N được số tiền 1.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 03/5/2021, H đi bộ đến nhà hàng Thảo Nguyên của chị Trần Thị K1, sinh năm 1976 ở khu L, thị trấn N, huyện N và nói với chị K1 là đợi bạn đến ăn cơm. H vào ngồi trong quán uống nước còn chị K1 xuống bếp nấu ăn. H quan sát thấy ở giá đựng cốc và tháp bia của quán có 01 chiếc ví da màu đen, thấy quán vắng người nên H đến vị trí chiếc túi lấy chiếc điện thoại VIVO Y17 màu tím nhạt, có gắn sim điện thoại số 0976.487.066 của chị K1 rồi cất vào túi quần bên phải. Sau đó, H đi bộ ra ngoài đường bắt xe buýt

đến quán điện thoại H-Mobile của anh Trương Đình H sinh năm 1986 ở thôn T1, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. H nói với anh H là điện thoại của chị gái muốn bán, anh H đồng ý mua và trả H số tiền 1.750.000 đồng. Số tiền trên H đã chi tiêu cá nhân hết, chiếc sim điện thoại trên đường đi H đã tháo ra và vứt đi; chiếc điện thoại sau đó anh H bán cho người không biết tên, địa chỉ nên không thu giữ được.

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 06/5/2021, Bùi Hữu H đi bộ đến trạm rửa xe ô tô "H3" thuộc khu vực cây xăng xã Đ3, huyện N, tỉnh Hải Dương để xin nước uống. Lúc này, thấy anh Kiều Trắc T1, sinh ngày 19/4/2004 là nhân viên rửa xe của quán để chiếc điện thoại Iphone 6S màu bạc, ốp nhựa màu đen có gắn sim điện thoại số 079.326.0008 trên bàn uống nước. Lợi dụng mọi người không ai để ý, H lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần bên phải rồi ra bắt xe buýt đến khu vực chân cầu 789 (thuộc địa phận – TP Hải Dương). Tại đây, H gặp và bán chiếc điện thoại trên cho người bạn tên T3 ở thị trấn P, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (không rõ địa chỉ cụ thể) được số tiền 500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 01/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận:

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG loại J4 màu đen có ốp lưng nhựa trong suốt đã qua sử dụng, trị giá tài sản: 1.100.000đ.

01 chiếc điện thoại IPHONE 6S loại 32G, màu ghi bạc, có ốp lưng nhựa màu đen đã qua sử dụng, trị giá tài sản: 1.933.000đ.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO, loại Y17, màu tím có ốp lưng màu trắng đục đã qua sử dụng, trị giá tài sản: 1.700.000đ.

Tổng giá trị 03 chiếc điện thoại H đã chiếm đoạt là: 4.733.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKS-NS ngày 13/9/2021, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Bùi Hữu H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu H phạm tội " Trộm cắp tài sản". Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 7 đến 9 tháng tù thời hạn tính từ ngày

09/7/2021; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị K1 giá trị chiếc điện thoại VIVO Y17 màu tím với số tiền 1.700.000đ và phải có trách nhiệm hoàn trả anh Nguyễn Danh K2 1.000.000đ tiền anh K2 bỏ ra mua chiếc điện thoại Sam Sung J4 mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại (anh K); Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 26/4/2021,tại quán cắt tóc của anh Nguyễn Văn K, địa chỉ thôn Đ, xã Đ3, huyện N; Bùi Hữu H lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt của anh K 01 điện thoại SAMSUNG J4 màu đen trị giá 1.100.000 đồng; Khoảng 10 giờ ngày 03/5/2021, tại nhà hàng Thảo Nguyên của chị Trần Thị K1 ở Khu L, thị trấn N, huyện N; H lén lút chiếm đoạt của chị K1 01 chiếc điện thoại VIVO Y17 màu tím trị giá 1.700.000 đồng; Khoảng 14 giờ ngày 06/5/2021, tại khu vực xưởng rửa xe thuộc cây xăng xã Đ3, huyện N; H lén lút chiếm đoạt của anh Kiều Trắc T1 sinh năm 2004 trú tại A, N 01 chiếc điện thoại IPHONE 6S màu ghi bạc trị giá 1.933.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 4.733.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tuy nhiên mỗi hành vi riêng lẻ không đủ yếu tố cấu thành một tội phạm nhưng như vậy cũng đủ để thấy bị cáo coi thường pháp luật. Ngoài ra, bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc song bị cáo không lấy đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên xác định là người có nhân thân xấu. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Song bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự K2n hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Kiều Trắc T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; anh Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; anh Trương Đình H cũng không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bị hại là chị Trần Thị K1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị K1 giá trị chiếc điện thoại VIVO Y17 màu tím với số tiền 1.700.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt. Anh Nguyễn Danh K2 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả anh K2 số tiền 1.000.000đ mà anh K2 bỏ ra mua chiếc điện thoại Sam Sung J4 mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại (anh K), bị cáo nhất trí bồi thường và không có ý kiến gì. Do vậy, HĐXX cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị K1 1.700.000đ và phải hoàn trả anh K2 1.000.000đ theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000đ tiền án phí sơ thẩm hình sự theo quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị có có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 357, Điều 468; Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu H 8 (tám) tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giam 09/7/2021

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị K1 số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) và phải có trách nhiệm hoàn trả anh Nguyễn Danh K2 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - CA huyện N;
- CQ THAHS - CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Điệp